

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/ DS-PT
Ngày: 15-8-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Minh H. (có mặt)

Cư trú tại: Tổ 42, ấp Th, xã Thanh A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C.

Cùng cư trú tại: Thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn C: Anh Nguyễn Văn Đ; Cư trú tại: Thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định (theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2022). (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Thành S – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Công L (vắng)

Cư trú tại: Thôn Tư Cung, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

2. Chị Trần Lê Lưu L1 (vắng)

3. Anh Lê Huyền Nh (vắng)

4. Bà Nguyễn Thị Th (vắng)

5. Bà Nguyễn Thị H1 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

6. Bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 42, ấp Th, xã Thanh A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ủy ban nhân dân xã Phước H. (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Kim T, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh V – Chủ tịch UBND xã Phước Hòa.

8. Ủy ban nhân dân huyện T. (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: 290 Nguyễn H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh N – Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

- *Người kháng cáo:* Ông Đào Minh H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đào Minh H trình bày:

Nguồn gốc đất ông tranh chấp với ông Nguyễn C hiện nay là đất vườn của ông Đào Tăng C1 (còn gọi là ông Xã Hai anh ruột của cha ông), vì ông C1 không có con trai nối dõi tông đường nên bà Xã Hai và các chị đã trao lại cho cha ông là ông Đào C2 nhận canh tác và giỗ ông bà.

Ông cưới vợ năm 1976, cha mẹ cho ra ở riêng và chia cho ông một phần đất làm ăn và cúng giỗ ông bà. Ngày ông cất nhà ở riêng cũng là ngày cha con ông Nguyễn C xin cất che nhà ở tạm khoảng tháng 5/1976, chỉ xin bằng miệng chứ không có giấy tờ gì, lúc đầu khoảng 40m², sau đó ông C lấn chiếm thêm như hiện nay khoảng 142,4m² là đất của vợ chồng ông nhưng khi UBND huyện T cấp GCNQSDĐ thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 vào sổ số 00014 ngày 14/8/2001 với diện tích 1.476 m² đã thiếu phần đất của ông C, bà H1 142,4m² ở nhờ.

Sau khi được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 thì vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho ông Lê Công L, chị Trần Lê Lưu L1, anh Lê Huyền Nh, bà Nguyễn Thị Th.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông C, bà H1 giao trả lại QSDĐ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H vì 142,4m² là đất của ông mà ông C ở nhờ từ năm 1975 nhưng khi hộ gia đình ông được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 đã thiếu phần đất của ông C, bà H1 142,4m² ở nhờ.

Ông không yêu cầu gì đối với những người mua đất của ông vào năm 1998, 1999 như ông Lê Công L, chị Trần Lê Lưu L1, anh Lê Huyền Nh, bà Nguyễn Thị Th đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 với diện tích 1.476 m².

Anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² ông H tranh chấp với cha mẹ anh do ông bà nội anh sử dụng làm nhà ở từ trước năm 1975, đến năm 1975 ông bà nội anh để lại cho cha mẹ anh tiếp tục sử dụng làm nhà ở ổn định và liên tục cho đến nay.

Ông H cho rằng thửa đất cha mẹ anh đang xây dựng nhà ở được cha của ông Hưng là ông Đào C2 cho cha mẹ anh mượn 40m² để ở và sau đó cha mẹ anh lần thêm nên diện tích hiện nay là 142,4m² là không có căn cứ vì thửa đất hiện nay cha mẹ anh đang sử dụng là do ông bà nội anh để lại từ năm 1975 để sử dụng vào mục đích xây nhà ở cho đến nay, gia đình anh không có mượn hay lấn chiếm đất của gia đình ông H.

Trong quá trình sử dụng thửa đất từ năm 1975 đến nay cha mẹ anh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đất cho Nhà nước, cha mẹ anh đã cung cấp cho Tòa án.

Đối với nội dung tại sao thửa đất của cha mẹ anh trong hồ sơ địa chính do Nhà nước quản lý không thể hiện là do UBND xã Phước H nhằm lẫn trong quá trình xác lập hồ sơ địa chính.

Còn thửa đất của vợ chồng ông H, bà Th1 ở liền kề thửa đất của gia đình anh sau khi được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng Th1 là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3, vào sổ số 00014 ngày 14/8/2001 với diện tích 1.476 m² và vợ chồng ông H, bà Th1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Công L, chị Trần Lê Lưu L1, anh Lê Huyền Nh, bà Nguyễn Thị Th không liên quan gì đến thửa đất mà cha mẹ anh sử dụng.

Nay ông H yêu cầu cha mẹ anh giao trả lại QSDĐ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² đất tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H thì cha anh không đồng ý

Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² đất tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H đã được cha mẹ anh sử dụng và đăng ký kê khai QSDĐ liên tục từ năm 1975 đến nay nên cha anh yêu cầu được công nhận quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40 cho cha mẹ anh để tiến hành các thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn C, bà thông nhất với nội dung bị đơn ông C đã trình bày và không bổ sung gì thêm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Th1: Bà Th1 đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa, không có lời khai.

3. Anh Lê Huyền Nh trình bày: Khoảng năm 1999, anh có mua đất của bà Nguyễn Thị Hồng Th1 và ông Đào Minh H, thời điểm này ông H, bà Th1 đã được cấp GCNQSDĐ. Phần anh mua sau này đã được tách ra 3 thửa và đã được cấp GCNQSDĐ:

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40 diện tích 341m² đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 410527, vào sổ số CH08528, ký ngày 10/10/2018.

Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 40 diện tích 103,3m² đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 410527, vào sổ số CH08528, ký ngày 10/10/2018.

Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 40 diện tích 210,3m² đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 410052, vào sổ số CH08435, ký ngày 25/5/2018.

Thời điểm anh mua đất của ông H, bà Th1 thì mẹ anh là bà Nguyễn Thị Th cũng có mua của bà Th1, ông H 01 lô.

Khi anh mua đất thì đã thấy nhà ông Nguyễn C ở từ trước đó.

Đất của anh mua của ông H, bà Th1 có ranh giới liền kề độc lập với nhà ông C, bà H1. Anh không có tranh chấp gì với ông C, bà H1 cũng không tranh chấp gì với ông H, bà Th1.

4. Chị Trần Lê Lưu L: Chị L là vợ anh Lê Huyền Nh, đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa, không có lời khai.

5. Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Khoảng năm 1999 bà mua đất của bà Nguyễn Thị Hồng Th1 và ông Đào Minh H, thời điểm này ông H, bà Th1 đã được cấp GCNQSDĐ.

Phần bà mua của ông H, bà Th1 là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40 diện tích 341 m² đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CN 410052, vào sổ số CH08435, ký ngày 25/5/2018.

Thời điểm bà mua đất của ông H bà Th1 thì con của bà là anh Nh cũng có mua của bà Th1, ông H 03 lô.

Khi mua đất của ông H, bà Th1 thì đã thấy nhà ông Nguyễn C ở từ trước đó.

Bà không tranh chấp gì với ông C, bà H1 và cũng không tranh chấp gì với ông H, bà Th1.

6. Ông Lê Công L: Ông L đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa, không có lời khai.

7. Người đại diện theo pháp luật của UBND xã Phước H trình bày:

Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40 (hồ sơ địa chính năm 2013), tọa lạc tại thôn Tùng Gi là thửa đất hiện nay ông Đào Minh H tranh chấp với ông Nguyễn C.

Theo bản đồ địa chính được xác lập năm 1993, thì diện tích hiện nay ông Đào Minh H và ông Nguyễn C đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 do bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (vợ ông Đào Minh H) đứng tên kê khai chủ sử dụng. Việc hồ sơ địa chính năm 1993 không thể hiện diện tích hiện nay đang tranh chấp do ông Nguyễn C kê khai chủ sử dụng là do nhầm lẫn trong quá trình xác lập hồ sơ địa chính thời điểm năm 1993; vì thực tế diện tích này gia đình ông sử dụng từ trước năm 1975 đến nay.

Thời điểm năm 2001 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 426553, vào sổ số 00014, ký ngày 14/8/2001; thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.476 m² do bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (vợ ông Đào Minh H) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tách riêng phần diện tích gia đình ông Nguyễn C đang sử dụng (phần diện tích hiện nay đang tranh chấp).

Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.476 m² hiện nay Lê Công L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Th đang sử dụng đã được UBND huyện T cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng ổn định, không tranh chấp gì với các hộ liền kề (kể cả gia đình ông Nguyễn C).

Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích thực tế hiện nay vợ chồng ông Nguyễn C đang sử dụng tọa lạc tại thôn Tùng Gi, gia đình ông Nguyễn C đang sử dụng làm nhà ở; trường hợp không xảy ra tranh chấp thì đủ điều kiện xác lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

6. Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin: Ngày 8/01/2001, Hội đồng đăng ký đất xã Phước H đã tổ chức xét duyệt đơn xin đăng ký của 4 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong phạm vi xã Phước H trong đó có bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (kèm theo biên bản xét duyệt của hội đồng đăng ký đất ngày 8/1/2001); Thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất ngày 9/1/2001; Biên bản kết thúc công khai hồ sơ đăng ký đất ngày 9/1/2001 là đúng quy định. Trên cơ sở đó UBND xã Phước H có Tờ trình số 04/TT-UB ngày 10/01/2001 của UBND xã Phước H về việc đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ (danh sách có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ có bà Nguyễn Thị Hồng Th1 tại thửa đất 31, tờ bản đồ 03). Qua xem xét hồ sơ Phòng địa chính huyện T có Tờ trình số 28/TT-ĐC ngày 10/8/2001 về việc cấp GCNQSDĐ tham mưu UBND huyện T ra Quyết định số 597/QĐ-UB ngày 14/8/2001 về việc phê duyệt cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng Th1 với diện tích 1.476m².

Từ những cơ sở trên, việc UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ Nguyễn Thị Hồng Th1 tại thửa đất 31, tờ bản đồ 03, diện tích 1.476m² là đúng quy định của pháp luật. Còn thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m², tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H do ông Nguyễn C đứng tên kê khai chủ sử dụng theo quy định pháp luật (cụ thể có bản sao kèm theo).

Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Minh H đối với ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị H1 giao trả lại QSDĐ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn C, công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc diện tích đất, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/4/2022, nguyên đơn ông Đào Minh H kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn C trả lại phần diện tích đất đã mượn của gia đình ông và tòa sơ thẩm tuyên buộc ông phải chịu chi phí đo đạc và định giá tài sản 17.380.000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu Tòa sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tạm giao thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m² tọa lạc

tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện Tuy Ph cho ông C, bà H1 quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Minh H trả lại phần diện tích đất 141,1m² thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40 và tạm giao thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T cho ông C, bà H1 quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công L, chị Trần Lê Lưu L1, anh Lê Huyền Nh, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Hồng Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, UBND xã Phước H và UBND huyện T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đào Minh H, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40 (hồ sơ địa chính năm 2013), tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T là thửa đất hiện nay ông Đào Minh H tranh chấp với ông Nguyễn C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bản đồ địa chính được xác lập năm 1993, thì diện tích hiện nay ông Đào Minh H và ông Nguyễn C đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 do bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (vợ ông Đào Minh H) đứng tên kê khai chủ sử dụng, thực tế diện tích này gia đình ông C sử dụng từ trước năm 1975 đến nay nhưng hồ sơ địa chính năm 1993 không có tên ông Nguyễn C kê khai chủ sử dụng là do nhầm lẫn trong quá trình xác lập hồ sơ địa chính thời điểm năm 1993. Đến năm 2001 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng Th1 (vợ ông Đào Minh H) thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.476 m² thì đã tách riêng phần diện tích đang tranh chấp do gia đình ông Nguyễn C đang sử dụng không cấp cho hộ bà Th1, ông H. Năm 2013 (đo đạc theo dự án Vlap) thì ông Nguyễn C đứng tên kê khai chủ sử dụng thửa đất tranh chấp theo quy định pháp luật là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 142,4m², theo kết quả xem xét thực tế ngày 10/02/2022 thì thửa đất có diện tích 141,1m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông H cho rằng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² là của cha ông cho ông đến tháng 5/1976 cha con ông Nguyễn C mượn đất để làm nhà ở. Tuy nhiên gia đình ông C không thừa nhận mượn đất như ông H trình bày, đồng thời ông H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh gia đình ông C ở nhờ đất của ông H. Nên ông H yêu cầu ông C và bà H giao trả lại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định cho ông H là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn C, công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định là trái với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, thửa đất số 34 hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào, UBND xã Phước H đã xác nhận trường hợp không xảy ra tranh chấp thì đủ điều kiện xác lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành. Nên tòa án chỉ có thẩm quyền tạm giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C, bà H1 quản lý, sử dụng để UBND cấp có thẩm quyền tiến hành các thủ tục giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H1 theo quy định của pháp luật về đất đai.

[2.3] Ngoài ra, ông H còn kháng cáo yêu cầu xem xét lại việc cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải chịu 17.380.000 đồng chi phí đo đạc và định giá tài sản là không đúng. HĐXX xét thấy do yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của ông H không được tòa án chấp nhận nên ông H phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc và định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Tổng cộng 03 lần đi đo đạc và định giá tài sản (01 lần đi định giá và 02 lần đi đo đạc) với số tiền 17.380.000 đồng, trong đó: đo đạc 12.080.000 đồng có phiếu thu của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T ngày 10/02/2022 và 5.300.000 đồng chi phí hợp lý cho các lần tổ chức đi đo đạc và định giá tài sản. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H phải chịu 17.380.000 đồng chi phí đo đạc và định giá tài sản là có cơ sở, ông Hg đã nộp tạm ứng 9.000.000 đồng, ông C đã nộp tạm ứng 8.380.000 đồng nên ông H còn phải hoàn trả lại cho ông C 8.380.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Minh H, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần tạm giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C, bà H1 quản lý, sử dụng để UBND cấp có thẩm quyền tiến hành các thủ tục giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H1 theo quy định của pháp luật về đất đai.

[4] Về án phí.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông H và ông C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H không phải chịu.

[5] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn C yêu cầu Tòa sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tạm giao thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T cho ông C, bà H1 quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của ông H yêu cầu ông C và bà H1 giao trả lại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định và tạm giao thửa đất số 34 cho hộ ông C, bà H1 quản lý, sử dụng là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 180, 182, 183 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Minh H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Minh H buộc ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị H1 giao trả lại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Tạm giao thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, diện tích 141,1m² tọa lạc tại thôn Tùng Gi, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định cho hộ ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Minh H và ông Nguyễn C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Minh H không phải chịu.

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc và định giá tài sản: Ông Đào Minh H phải chịu 17.380.0000 đồng, ông Đào Minh H đã nộp tạm ứng 9.000.000 đồng, ông Nguyễn C đã nộp tạm ứng 8.380.000 đồng nên ông H còn phải hoàn trả lại cho ông C 8.380.000 đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng